**KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ PHÒNG CHỐNG CÚM GIA CẦM**

**CỦA NGƯỜI DÂN TẠI XÃ PHÚ DƯƠNG, HUYỆN PHÚ VANG,**

**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Trần Đại Tri Hãn\*, Võ Minh Hoàng\*, Trần Thị Anh Đào\*,

TÓM TẮT

*Đặt vấn đề:* Bệnh cúm gia cầm đang là mối đe dọa lớn đối với sức khỏe cộng đồng. Kiến thức, thực hành phòng chống bệnh của người dân đóng vai trò quan trọng trong công tác kiểm soát và thanh toán dịch bệnh.

*Mục tiêu:* Mô tả kiến thức, thực hành và xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về phòng phòng chống cúm gia cầm của người dân ở xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Phương pháp nghiên cứu:* Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 453 đối tượng từ 18-65 tuổi đại diện cho 453 hộ gia đình được chọn bằng phương pháp chọn mẫu cụm. Đối tượng được phỏng vấn tại hộ gia đình bằng bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

*Kết quả:* Tỷ lệ người dân có kiến thức chung tốt về phòng chống cúm gia cầm là 34,2%, trong đó: 59,6% có kiến thức đúng và đầy đủ về đường lây bệnh, 40,6% biết đúng cách phòng bệnh. Tỷ lệ người dân có thực hành tốt về sử dụng sản phẩm gia cầm là 34,4%, trong đó: 96,0% không ăn thịt gia cầm bệnh/chết, 87,6% nấu chín kỹ thịt gia cầm, 38,6% rửa tay sau giết mổ, 8,7% sử dụng khẩu trang, găng tay khi giết mổ gia cầm. 22,4% hộ thực hành chăn nuôi an toàn, 61,5% hộ không tiêm phòng cho gia cầm. Có mối liên quan giữa kiến thức về phòng chống cúm gia cầm với giới tính, giữa thực hành chăn nuôi gia cầm an toàn với trình độ học vấn và giữa thực hành tốt về sử dụng sản phẩm gia cầm với giới, trình độ học vấn, nghề nghiệp.

 Kết luận: *Kiến thức, thực hành về phòng chống cúm gia cầm của người dân chưa tốt, cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa truyền thông giáo dục phòng chống cúm gia cầm cho người dân, chú trọng các nguyên nhân lây bệnh, sử dụng sản phẩm gia cầm an toàn, vệ sinh giết mổ, vệ sinh chăn nuôi.*

 ***Từ khóa:*** *cúm gia cầm,**kiến thức, thực hành.*

**ABSTRACT**

*KNOWLEDGE, PRACTICE ON AVIAN INFLUENZA PREVENTION AMONG PEOPLE*

*AT PHU DUONGCOMMUNE, PHU VANG DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE*

Tran Dai Tri Han, Vo Minh Hoang, Tran Thi Anh Dao

 \* Y Hoc TP. Ho Chi Minh \* Supplement of Vol. 20 - No 5 - 2016: 44 - 50

*Background:* Avian influenza is currently a threat to global public health. Knowledge, practice on Avian influenza prevention play a major role in the control and eradication of the disease.

*Objective*: Identify the knowledge, practice and related factors on Avian influenza prevention among people in Phu Duong commune, PhuVang district, ThuaThien Hue province.

*Methods:* A descriptive cross-sectional study was carried out with 453 persons from 18- 65 years old at 453 households were selected by using cluster sampling method. A well-constructed questionnaire was used to interview the study subjects directly.

*Results:* The proportion of people with good general knowledge on prevention of Avian influenza was 34.2%. Of which 59.6% had proper and adequate knowledge about the routes of transmission, 40.6% knew the correct way

**44** **Chuyên Đề Y Tế Công Cộng**

Trường Đại học Y Dược Huế

*Tác giả liên lạc*: BS. Trần Đại Tri Hãn ĐT: 0905232437 Email: tdthan@huemed\_unive.edu.vn

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

to prevent the disease. The proportion of people with good practice on the use of poultry products is 34.4%. Of which 96.0% did not consumed infected or died poultry, 87.6% cooked poultry meat before eating, 38.6% perform hand washing after slaughtering poultry, 8.7% use of masks, gloves while slaughtering poultry. 22.4% of households had good practice on poultry farming, 61.5% of households did not vaccinate for their poultry. There was significant association between the knowledge on Avian influenza prevention and gender, between the practices on Avian influenza prevention and gender, education level, occupation.

*Conclusion: Knowledge and practices on Avian influenza prevention of participant was insufficient. Therefore, health education should be intensified to change knowledge and practices of local people, especially focusing on the routes of the transmission, using safe poultry products, and keeping hygiene on slaughter and feeding poultry.*

***Key words:*** *avian influenza, knowledge, practice.*

 Từ 1997 đến nay, dịch cúm gia cầm do virus cúm A đã xuất hiện và lan truyền ở nhiều quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, chủng virus cúm A/H5N1 có thể xâm nhiễm gây bệnh ở người với tỉ lệ tử vong cao và đang trở thành mối đe dọa nguy hiểm cho sức khoẻ cộng đồng(9),(10).

 Việt Nam được Tổ chức Y tế thế giới xác định là một trong những quốc gia “tiêu điểm” có thể xảy ra dịch cúm mới ở người cần đặc biệt quan tâm khống chế(1). Từ khi ca mắc cúm gia cầm đầu tiên ở người được phát hiện tháng vào tháng 12/2003, tới tháng 10/2014, số người mắc cúm gia cầm ở Việt Nam là 127 ca, trong đó 64 ca tử vong chiếm tới 50,4%, đứng thứ ba trên thế giới sau In-đô-nê-xi-a và Ai Cập(11). Phú Vang là huyện thuộc tỉnh Thừa Huế đã từng xuất hiện dịch cúm trên gia cầm năm 2004 và được phân vào vùng có nguy cơ cao trong kế hoạch phòng chống dịch cúm gia cầm giai đoạn 2014-2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt theo quyết định số 438/QĐ-BNN-TY ngày 13/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn(8).

 Trong điều kiện hiên nay chưa có vắc xin cũng như thuốc điều trị đặc hiệu thì việc trang bị kiến thức, thực hành về phòng chống bệnh cho người dân đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng và kiểm soát dịch bệnh. Nghiên cứu kiến thức, thực hành về phòng chống cúm gia cầm của người dân tại xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện nhằm mục đích hỗ trợ cho việc xây dựng chiến lược truyền thông phù hợp, qua đó góp phần vào công tác phòng chống dịch cúm gia cầm tại địa phương.

**Chuyên Đề Y Tế Công Cộng** **45**

**Mục tiêu nghiên cứu**

 Mô tả kiến thức và thực hành về phòng chống cúm gia cầm của người dân tại xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

 Xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành về phòng chống cúm gia cầm của người dân tại xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**ĐỐI TƯỢNG - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**Đối tượng nghiên cứu**

 Chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình từ 18-65 tuổi hiện đang sống tại xã Phú Dương, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế.

**Thời gian nghiên cứu**

 Từ tháng 09/2014 đến tháng 12/2014.

**Phương pháp nghiên cứu**

***Thiết kế nghiên cứu***

 Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

***Cỡ mẫu***

 Áp dụng công thức tính cở mẫu cho ước lượng tỷ lệ của dân số:

 

*Trong đó:*

*Z: Trị số từ phân phối chuẩn.*

*α: Xác suất sai lầm loại 1, α = 0,05.*

*p: Tỷ lệ người dân có thực hành tốt về phòng chống cúm gia cầm ước tính theo nghiên cứu của Hoàng Thúy Hà(4), p = 0,159.*

*d: Độ chính xác tuyệt đối, chọn d = 0,05.*

 Vì nghiên cứu sử dụng kỹ thuật chọn mẫu cụm nên chọn hệ số thiết kế k = 2, dự trù 10% đối tượng vắng mặt tại thời điểm điều tra và không đồng ý tham gia nghiên cứu, tính được cỡ mẫu cần nghiên cứu n = 453

**Phương pháp chọn mẫu**

 Chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu cụm:

 *Bước 1:* Chọn cụm, đơn vị cụm là thôn. Chọn ngẫu nhiên 5 thôn trong số 9 thôn của xã Phú Dương

 *Bước 2:* Chọn hộ gia đình. Số hộ gia đình được chọn ở mỗi cụm tỷ lệ với kích thước của cụm.

 *Bước 3:* Chọn đối tượng phỏng vấn. Mỗi hộ gia đình chọn một người: Hoặc là chủ hộ hoặc là người đại diện từ 18-65 tuổi, chịu trách nhiệm mua, chế biến và sử dụng thực phẩm trong gia đình, đồng ý tham gia phỏng vấn, có khả năng nghe hiểu và trả lời các câu hỏi.

***Kỹ thuật thu hập thông tin***

Phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu tại hộ gia đình bằng bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên tài liệu phòng chống cúm gia cầm của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

**Các biến số cần thu thập và tiêu chuẩn đánh giá**

Các biến số cần thu thập

 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới, nghề nghiệp, trình độ học vấn.

 Kiến thức: Nguồn cung cấp thông tin về bệnh cúm gia cầm, đường lây truyền, dấu hiệu của bệnh, sự nguy hiểm của bệnh, sự cần thiết phải khai báo với chính quyền địa phương, cách phòng bệnh.

**46** **Chuyên Đề Y Tế Công Cộng**

 Thực hành phòng chống cúm gia cầm:

 Thực hành chăn nuôi gia cầm: Hình thức chăn nuôi, tiêm phòng cho gia cầm, vệ sinh cá nhân, vệ sinh chuồng trại, sử dụng phòng hộ khi tiếp xúc gia cầm, xử lý gia cầm bệnh/chết.

 Thực hành sử dụng sản phẩm gia cầm: Không ăn thịt gia cầm bệnh/chết; nấu chín kỹ thịt gia cầm, sử dụng sản phẩm gia cầm có nguồn gốc, không ăn tiết canh, vệ sinh cá nhân, dụng cụ khi giết mổ gia cầm.

 *Đánh giá*

 Các câu hỏi về kiến thức, thực hành của đối tượng nghiên cứu được cho điểm theo cách nếu trả lời đúng được 1 điểm, trả lời sai hoặc không trả lời thì không có điểm, nếu có ≥ 2/3 số câu trả lời đúng thì sẽ đạt mức tốt, còn lại là chưa tốt. **Xử lý và phân tích dữ liệu**

 Số liệu được nhập và xử lý trên phần mềm Epiinfo 7. Sử dụng thống kê mô tả để mô tả đặc điểm dân số xã hội học, kiến thức và thực hành về phòng chống cúm gia cầm của đối tượng. Xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về phòng chống cúm gia cầm bằng kiểm định chi bình phương (kiểm định Fisher nếu giá trị kỳ vọng <5) với mức ý nghĩa p-value <0,05. Mức độ kết hợp được đo lường bằng chỉ số PR (Prevalence Ratio: Tỷ số tỷ lệ hiện mắc) với khoảng tin cậy (KTC) 95%.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu**

 Kết quả khảo sát 453 người dân từ 18 - 65 tuổi ghi nhận: Nữ chiếm 56,1%, hầu hết là trên 30 tuổi (chiếm 80,3%), trình độ học vấn (TĐHV) dưới trung học phổ thông (THPT) chiếm 66,0%. Về nghề nghiệp: làm ruộng chiếm 36,9%, 0,2% là buôn bán gia cầm, 8,2% là cán bộ công nhân viên chức (CBCNVC) và các nghề khác như công nhân, buôn bán nhỏ, thợ thủ công chiếm hơn 50%. Có 174/453 hộ gia đình chăn nuôi gia cầm chiếm 38,4%, chăn nuôi có qui mô nhỏ lẻ.

**Nguồn cung cấp thông tin về bệnh cúm gia cầm**

 100% người dân biết về cúm gia cầm, nguồn cung cấp thông tin chủ yếu từ truyền hình, truyền thanh (chiếm 98,0%), tiếp đến là từ sách báo, pano, áp phích (14,6%), từ chính quyền đoàn thể là 12,6%, từ cán bộ y tế xã, cán bộ thú y và người thân, bạn bè, hàng xóm chiếm tỷ lệ tương đương nhau (khoảng 10%). Điều này phần nào phản ảnh được thế mạnh của kênh truyền thông từ truyền hình. Tỷ lệ người dân tiếp nhận thông tin từ cán bộ y tế, cán bộ thú y thấp, đây là vấn đề mà ngành y tế địa phương cần quan tâm để có các kế hoạch truyền thông thực thi và hiệu quả nhằm cải thiện hiểu biết và thực hành của người dân trong việc chăm sóc sức khỏe nói chung và vệ sinh phòng bệnh nói riêng.

**Bảng 1**: Kiến thức về đường lây bệnh cúm gia cầm sang người (n = 453)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đường lây bệnh cúm gia cầm** | **Tần số** | **Tỷ lệ %** |
| Tiếp xúc với gia cầm bị bệnh/chết | 365 | 80,6 |
| Ăn trứng, thịt và sản phẩm gia cầm bị bệnh | 332 | 73,3 |
| Tiếp xúc với dụng cụ chăn nuôi gia cầm bị bệnh | 279 | 61,6 |
| Ăn trứng, thịt gia cầm bị bệnh chưa nấu chín | 320 | 70,6 |
| Ăn tiết canh gia cầm | 345 | 76,2 |
| Tiếp xúc với phân, chất thải gia cầm bệnh/chết | 235 | 51,9 |
| Không biết | 84 | 18,5 |
| Kiến thức đúng và đầy đủ về đường lây bệnh | 270 | 59,6 |

 80,6% người dân biết đường lây bệnh cho người là do tiếp xúc với gia cầm bệnh/chết, 73,3% biết do ăn thịt/trứng gia cầm bệnh. Ngoài ra, người dân còn biết lây bệnh là do ăn tiết canh gia cầm bị nhiễm bệnh (76,2%), ăn thịt/trứng gia cầm chưa nấu chín (70,6%), do tiếp xúc với dụng cụ chăn nuôi có gia cầm bị bệnh/chết chưa tẩy trùng là 61,6%. Tỷ lệ người dân biết đúng về đường lây bệnh sang người là 59,6%, kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Đỗ Kiến Quốc (45,91%)(7) và của Nguyễn Thị Hường (2,6%)(5), điều này cho thấy hiểu biết về đường lây bệnh cúm gia cầm của người dân trong thời gian qua đã được nâng cao. Hiểu biết đầy đủ về đường lây được xem là yếu tố căn bản trong kiến thức phòng bệnh cúm gia cầm và cơ sở để hướng tới thực hành phòng bệnh. Tuy nhiên vẫn còn 18,5% đối tượng nghiên cứu không biết đường lây nào, do đó trong giáo dục truyền thông cần chú trọng vấn đề này.

**Kiến thức về phòng chống cúm gia cầm**

 Có 82,8% biết cúm gia cầm là bệnh nguy hiểm cho người, tuy nhiên biết đúng triệu chứng thường gặp ở người khi nghi bệnh còn thấp (sốt 38%, ho 26%, khó thở 25,6%,). Nghiên cứu của Phạm Ngọc Cương cho kết quả cao hơn nghiên cứu của chúng tôi với tỷ lệ biết đúng triệu chứng thường gặp khi nghi bệnh lần lượt là 95,5%, 72,3% và 80,5%(2). Việc nhận biết được triệu chứng nghi ngờ mắc bệnh giúp cho công tác phát hiện bệnh sớm, cách ly kịp thời tránh lây lan. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu còn cho thấy đa số người dân biết đúng địa chỉ để thông báo khi thấy gia cầm chết là Uỷ ban nhân dân xã/Trưởng thôn/xóm (61,8,%), cán bộ thú y (49,7%), điều này sẽ giúp cho công tác phát hiện dịch để có biện pháp phòng chống kịp thời.

**Bảng 2:** *Kiến thức của người dân về các biện pháp phòng bệnh cúm gia cầm (n = 453)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biện pháp phòng bệnh** | **Tần số** | **Tỷ lệ %** |
| Không ăn thịt và sản phẩm gia cầm bị bệnh | 359 | 79,2 |
| Không ăn tiết canh gia cầm | 351 | 77,5 |
| Không ăn trứng, thịt gia cầm chưa nấu chín | 339 | 74,8 |
| Mua thịt gia cầm đã được kiểm dịch | 241 | 53,2 |
| Đeo khẩu trang, găng tay khi tiếp xúcvới gia cầm | 270 | 59,6 |
| Rửa tay bằng xà phòng sau giết mổ,chế biến gia cầm | 251 | 55,4 |
| Không biết | 89 | 19,6 |
| Kiến thức đúng và đầy đủvề cách phòng bệnh | 184 | 40,6 |

 Có 40,6% người dân có kiến thức đúng và đầy đủ về các biện pháp phòng bệnh cúm gia cầm, trong đó các biện pháp vệ sinh ăn uống được người dân nhắc đến khá nhiều như không ăn thịt, sản phẩm của gia cầm bị bệnh/chết (79,2%), không ăn tiết canh gia cầm (77,5%), không ăn thịt, trứng gia cầm khi chưa nấu chín (74,8%), mua thịt gia cầm đã được kiểm dịch 53,2%

**Chuyên Đề Y Tế Công Cộng** **47**

 Có 55,4% người dân biết rửa tay bằng xà phòng sau khi tiếp xúc gia cầm và 59,6% biết sử dụng khẩu trang, găng tay khi tiếp xúc gia cầm để phòng bệnh, tuy nhiên có đến 19,6% không biết biện pháp nào.

***Biểu đồ 1****: Đánh giá kiến thức chung về phòng chống cúm gia cầm*

 Tỷ lệ người dân có kiến thức chung tốt về phòng bệnh cúm gia cầm là 34,2%, kết quả này tương tự với kết quả nghiên cứu của Hoàng Thuý Hà (34,0%)(4). Như vậy kiến thức của người dân về phòng chống cúm gia cầm còn thấp, điều này có thể là do hình thức triển khai cũng như nội dung tuyên truyền phòng chống cúm gia cầm của chương trình giáo dục sức khỏe chưa thực sự thu hút được sự quan tâm của người dân địa phương.

**Thực hành phòng chống cúm gia cầm**

***Thực hành chăn nuôi gia cầm***

*Bảng 3:* Thực hành chăn nuôi gia cầm (n = 174)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thực hành chăn nuôi** | **Tần số**  | **Tỷ lệ %** |
| Chăn thả tự do | 118 | 67,8 |
| Tiêm phòng cho gia cầm | 67 | 38,5 |
| Vệ sinh chuồng trại thường xuyên | 120 | 69,0 |
| Khoảng cách từ chuồng đến nơi ở ≥ 10m | 5 | 2,9 |
| Thực hành chăn nuôi gia cầm an toàn | 39 | 22,4 |

 Trong 174 hộ gia đình có chăn nuôi gia cầm có đến 67,8% hộ chăn thả gia cầm tự do, kết quả này cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Đức Lợi (25,7%)(6), Nguyễn Thị Hường (56,1%)(5). Việc chăn thả tự do làm gia cầm có nguy cơ lây nhiễm nguồn virus trong tự nhiên và cũng là một yếu tố nguy cơ làm lây truyền virus cúm từ gia cầm sang người. Trong nghiên cứu chúng tôi chỉ có 38,5% hộ chăn nuôi có tiêm phòng cho gia cầm, thấp hơn so với nghiên cứu của Vũ Chí Cương có tỷ lệ là 78,3%(3). Như vậy trong nghiên cứu có đến 61,5% hộ chăn nuôi chưa tiêm phòng cho gia cầm, đây là mối nguy cơ gây bùng phát dịch ở gia cầm, từ đó có thể lây sang người. Do đó, ngành y tế cần phối hợp với ngành thú y, hội nông dân vận động người chăn nuôi thực hiện tiêm phòng cho gia cầm.

**48** **Chuyên Đề Y Tế Công Cộng**

*Bảng 4: Thực hành xử lý gia cầm bệnh/chết (n = 39)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xử lý gia cầm bệnh/chết** | **Tần số** | **Tỷ lệ %** |
| Chôn/đốt | 29 | 74,4 |
| Vứt ra bãi rác công cộng | 10 | 25,6 |
| Đeo khẩu trang, găng tay khi tiếpxúc với gia cầm bệnh/chết | 7 | 17,9 |
| Khử trùng chuồng trại sau khi gia cầm bệnh/chết | 13 | 33,3 |
| Rửa tay bằng xà phòng sau khi tiếp xúc gia cầm bệnh/chết | 16 | 41,0 |
| Thực hành xử lý đúng | 12 | 30,8 |

 Về hành vi xử lý gia cầm chết, chúng ta quan tâm đến thói quen vứt xác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường và nguy cơ lây lan dịch bệnh cao.

 Trong số 39/174 hộ chăn nuôi gia cầm có gia cầm bệnh/chết trong năm qua thì có 74,4% xử lý là chôn/đốt và 25,6% vứt bãi rác công cộng khi gia cầm chết. Nghiên cứu của Vũ Chí Cương có 4,74% đốt, 64,74% chôn, tỷ lệ vứt xác gia cầm chết là 11,05%(3). Như vậy hành vi xử lý gia cầm bệnh/chết của người dân trong nghiên cứu của chúng tôi là chưa tốt, điều này sẽ gây ô nhiễm môi trường và nguy cơ lây lan dịch bệnh cao. Ngoài ra, tỷ lệ người chăn nuôi thực hiện vệ sinh chuồng trại, mang phương tiện phòng hộ cá nhân khi tiếp xúc với gia cầm bệnh/chết và vệ sinh cá nhân sau khi tiếp xúc gia cầm bệnh/chết còn thấp (lần lượt là 33,3%, 17,9% và 41,0%). Vì vậy, các ban ngành có liên quan tại địa phương cần tăng cường giáo dục truyền thông để người dân biết được tác hại của việc xử lý gia cầm bệnh/chết không đúng và biện pháp vệ sinh phòng bệnh khi tiếp xúc với gia cầm.

***Thực hành sử dụng sản phẩm gia cầm***

***Bảng 5:*** *Thực hành sử dụng sản phẩm gia cầm (n = 453)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thực hành sử dụng sản phẩm gia cầm** | **Tần số** | **Tỷ lệ %** |
| Không ăn tiết canh | 352 | 77,7 |
| Không ăn thịt gia cầm bệnh/chết | 435 | 96,0 |
| Không ăn thịt gia cầm tái, trứng lòng đào | 397 | 87,6 |
| Mua sản phẩm gia cầm đã kiểm dịch | 165 | 36,4 |
| Giết mổ gia cầm tại nhà | 241 | 53,2 |
| Sử dụng khẩu trang, găng tay khi giết mổ gia cầm (n=241) | 21 | 8,7 |
| Rửa tay, dụng cụ bằng xà phòng sau khi giết mổ (n= 241) | 93 | 38,6 |
| Thực hành sử dụng sản phẩm gia cầm an toàn | 156 | 34,4 |

 Thực hiện vệ sinh ăn uống là một trong những biện pháp quan trọng để phòng bệnh. Bên cạnh việc sử dụng các sản phẩm gia cầm an toàn chiếm tỷ lệ cao như 96,0% không ăn thịt gia cầm bệnh/chết; 87,6% không ăn thịt gia cầm tái, trứng lòng đào; 77,7% không ăn tiết canh thì ý thức phòng bệnh của người dân thông qua vệ sinh cá nhân và sử dụng dụng cụ bảo hộ khi giết mổ gia cầm là thấp mà điều này có thể làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh. Trong số 241 người có giết mổ gia cầm tại nhà chỉ có 8,7% sử dụng khẩu trang, găng tay và38,6% rửa tay, dụng cụ bằng xà phòng sau khi giết mổ, tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hường: 34,4% sử dụng phương tiện phòng hộ khi giết mổ và 53,3% rủa tay bằng xà phòng sau khi giết mổ(5). Vì vậy, trong giáo dục truyền thông về phòng chống cúm gia cầm cần chú trọng hướng dẫn việc rửa tay và dụng cụ bằng xà pḥòng sau khi giết mổ gia cầm cho người dân.

***Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành về phòng chống cúm gia cầm***

Tỷ lệ nam giới có kiến thức tốt về phòng chống cúm gia cầm cao hơn nữ 1,43 lần và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p <0,05. Sự khác biệt này có thể do nữ giới trong nghiên cứu của chúng tôi đa số làm ruộng hoặc buôn bán lại bận rộn trong công việc nội trợ, nên ít có thời gian tiếp cận với các kênh truyền thông hơn so với nam. Không có mối liên quan giữa nghề nghiệp, trình độ học vấn với kiến thức phòng chống cúm gia cầm (p >0,05).

**Chuyên Đề Y Tế Công Cộng** **49**

***Bảng 6:*** *Các yếu tố liên quan đến kiến thức về phòng chống cúm gia cầm (n = 453)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc tính** | **Kiến thức** | **PR****(KTC 95%)** | **p** |
| **Tốt** | **Chưa tốt** |
| **n** | **%** | **n** | **%** |
| Tuổi | 18-30 | 31 | 34,8 | 58 | 65,2 | 1,02 | 0,89 |
| >30 | 124 | 34,1 | 240 | 65,9 | (0,74 – 1,41) |
| Giới | Nam | 82 | 41,2 | 117 | 58,8 | 1,43 | <0,001 |
| Nữ | 73 | 28,7 | 181 | 71,3 | (1,11 – 1,85) |
| TĐHV | < THPT | 94 | 31,4 | 205 | 68,6 | 0,79 | 0,08 |
| ≥ THPT | 61 | 39,6 | 93 | 60,4 | (0,61 – 1,03) |
| Nghề nghiệp | CBCNVC | 13 | 35,1 | 24 | 64,9 | 1,03 | 0,90 |
| Nghề khác | 142 | 34,1 | 274 | 65,9 | (0,65 – 1,63) |

***Bảng 7:*** *Các yếu tố liên quan đến thực hành chăn nuôi gia cầm (n = 174)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc tính** | **Thực hành** | **PR****(KTC 95%)** | **p** |
| **Tốt** | **Chưa tốt** |
| **n** | **%** | **n** | **%** |
| Tuổi | 18-30 | 08 | 25,8 | 23 | 74,2 | 1,19 | 0,61 |
| >30 | 31 | 21,7 | 112 | 78,3 | (0,60 – 2,33) |
| Giới | Nam | 14 | 16,9 | 69 | 83,1 | 0,73 | 0,31 |
| Nữ | 21 | 23,1 | 70 | 76,9 | (0,40 – 1,34) |
| TĐHV | < THPT | 23 | 18,4 | 102 | 81,6 | 0,56 | 0,04 |
| ≥ THPT | 16 | 32,7 | 33 | 67,3 | (0,33 – 0,97) |
| Nghề nghiệp | CBCNVC | 03 | 30,0 | 07 | 70,0 | 1,36 | 0,55 |
| Nghề khác | 36 | 22,0 | 128 | 78,0 | (0,50 – 3,68) |

 Có mối liên quan giữa trình độ học vấn với thực hành chăn nuôi gia cầm an toàn (p <0,05), cụ thể: nhóm có TĐHV dưới THPT có thực hành tốt là 18,4% thấp hơn nhóm còn lại (32,7%). Không có mối liên quan giữa tuổi, giới, nghề nghiệp với thực hành chăn nuôi gia cầm an toàn (p >0,05). Như vậy trong tryền thông về chăn nuôi gia cầm an toàn cho người dân cần chú trọng hơn ở nhóm người có trình độ học vấn thấp.

 Nhóm có trình độ học vấn từ THPT trở lên có thực hành tốt về sử dụng sản phẩm gia cầm chiếm 41,6% cao hơn nhóm có trình độ học vấn dưới THPT (30,8%) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (p <0,05). Nữ có thực hành tốt chiếm 42,9% cao hơn nam (23,6%), sự khác biệt này có thể do nam giới thường có thói quen ăn tiết canh, thường tham gia giết mổ gia cầm nhưng ít quan tâm vệ sinh sau khi giết mổ. Nhóm cán bộ công nhân viên chức có thực hành tốt (56,8%) cao hơn các nhóm nghề khác (p <0,05).

***Bảng 8:*** *Các yếu tố liên quan đến thực hành sử dụng sản phẩm gia cầm (n = 453)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc tính** | **Thực hành** | **PR****(KTC 95%)** | **p** |
| **Tốt** | **Chưa tốt** |
| **n** | **%** | **n** | **%** |
| Tuổi | 18 – 30 | 35 | 39,3 | 54 | 60,7 | 1,18 | 0,28 |
| >30 | 121 | 33,2 | 243 | 66,8 | (0,88 – 1,59) |
| Giới | Nam | 47 | 23,6 | 152 | 76,4 | 0,55 | <0,001 |
| Nữ | 109 | 42,9 | 145 | 57,1 | (0,41 – 0,73) |
| TĐHV | < THPT | 92 | 30,8 | 207 | 69,2 | 0,74 | 0,02 |
| ≥ THPT | 64 | 41,6 | 90 | 58,4 | (0,57 – 0,95) |
| Nghề nghiệp | CBCNVC | 21 | 56,8 | 16 | 43,2 | 1,75 | <0.01 |
| Nghề khác | 135 | 32,5 | 281 | 67,6 | (1,28 – 2,39) |

**KẾT LUẬN**

**Kiến thức và thực hành về phòng chống cúm gia cầm**

 Tỷ lệ người dân có kiến thức chung tốt về phòng chống cúm gia cầm là 34,2%, trong đó: 59,6% có kiến thức đúng và đầy đủ về đường lây bệnh, 40,6% biết đúng cách phòng bệnh.

 Tỷ lệ người dân có thực hành tốt về sử dụng sản phẩm gia cầm là 34,4%, trong đó: 96,0% không ăn thịt gia cầm bệnh/chết, 77,7% không ăn tiết canh, 87,6% nấu chín kỹ thịt gia cầm, 38,6% thực hiện rửa tay sau giết mổ, 8,7% sử dụng khẩu trang, găng tay khi giết mổ gia cầm.

 22,4% hộ gia đình chăn nuôi gia cầm thực hành chăn nuôi an toàn, 67,8% chăn thả gia cầm tự do, 61,5% không tiêm phòng cho gia cầm.

**Các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành phòng chống cúm gia cầm**

 Có mối liên quan giữa kiến thức về phòng chống cúm gia cầm với giới tính, giữa thực hành chăn nuôi gia cầm an toàn với trình độ học vấn và giữa thực hành tốt về sử dụng sản phẩm gia cầm với giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch cúm gia cầm (2014). Báo cáo công tác phòng chống dịch cúm gia cầm, Hà Nội, 18/02/2014.

**50** **Chuyên Đề Y Tế Công Cộng**

1. Phạm Ngọc Cương (2009). Đánh giá nhận thức, thái độ thực hành của người dân và thực trạng công tác quản lý, chỉ đạo phòng chống dịch cúm A/H5N1 tại tỉnh Ninh Bình. Kỷ yếu các đề tài nghiên cứu khoa học về truyền thông giáo dục sức khỏe giai đoạn 2001-2010. Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, tr. 94-104.
2. Vũ Chí Cương, Trần Thị Mai Phương, Phùng Đức Tiến và Cs (2010). Đặc điểm của hệ thống chăn nuôi gia cầm nhỏ lẻ ở Việt Nam. Tạp chí khoa học Công nghệ Chăn nuôi, Số 26, tháng 10/2010, tr. 60-71.
3. Hoàng Thúy Hà (2009). Kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống cúm gia cầm của người dân huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam năm 2008. Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, tr.38.
4. Nguyễn Thị Hường, Trần Hữu Bích (2007). Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống bệnh cúm gia cầm của người dân và một số yếu tố liên quan tại huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh năm 2006. Tạp chí Y tế công cộng, 7 (7): tr. 19-24.
5. Nguyễn Đức Lợi (2012). Nghiên cứu kiến thức và thực hành phòng chống dịch cúm A(H5N1) và cúm A(H1N1) của người dân huyện Phong Điền năm 2013. Tạp chí Y học thực hành, 911: tr. 197-202.
6. Đỗ Kiến Quốc, Đỗ Văn Dũng (2006). Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống bệnh viêm phổi do virus cúm gia cầm của người dân xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An tháng 06/2005. Y học thành phố Hồ Chí Minh, 10 (1):

 tr. 38-42.

1. Ủy ban nhân nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2014). Kế hoạch phòng chống dịch cúm gia cầm giai đoạn 2014-2018, Số 86/KH-UBND ngày 01/8/2014.
2. Hala Ibrahim Awadalla, Nagwa Fouad El-Kholy (2014). Human pandemic threat by H5N1 (Avian Influenza). Academic Journals, 8(5): pp. 406-410.
3. Taubenberger J.K. and Morens D.M. (2009). Pandemic influenza-including a risk assessment of H5N1. Revue scientifique et technique, 28(1): pp. 187-202.
4. WHO (2014). Cumulative number of confirmed human cases for avian influenza A(H5N1) reported to WHO, 2003-2014.

*Ngày nhận bài báo: 13/7/2016*

*Ngày phản biện nhận xét bài báo: 12/8/2016*

*Ngày bài báo được đăng: 05/10/2016*